

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình : Đào tạo cử nhân Sư phạm Giáo dục Tiểu học
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Giáo dục Tiểu học
Loại hình đào tạo : Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 129 /QĐ-ĐHHV-ĐT ngày 28 tháng 01 năm 2010 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Giáo dục Tiểu học nhằm đáp ứng những yêu cầu đổi mới của giáo dục tiểu học trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo dục Tiểu học phải có tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, có đủ sức khoẻ, có năng lực dạy học, giáo dục học sinh theo các yêu cầu đổi mới Giáo dục Tiểu học, có khả năng dạy tốt chương trình tiểu học, nghiên cứu khoa học giáo dục, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của giáo dục tiểu học trong những thập kỷ tới.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về phẩm chất đạo đức

Có phẩm chất cơ bản của người giáo viên nhà trường XHCN Việt Nam. Thấm nhuần thế giới quan Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu CNXH, có tinh thần trách nhiệm cao, có đạo đức, tác phong mẫu mực.

1.2.2. Về kiến thức

- Có kiến thức giáo dục đại cương đủ rộng, nắm vững các kiến thức chuyên môn, đảm bảo dạy tốt các môn học và các hoạt động giáo dục trong chương trình các lớp cấp tiểu học, được nâng cao về 3 môn Tiếng Việt, Toán, Tự nhiên – Xã hội. Tạo điều kiện để sinh viên tốt nghiệp có thể học tiếp lên trình độ cao hơn.

- Có kiến thức cơ bản về Tâm lý học, Giáo dục học, Phương pháp dạy học, về đánh giá kết quả học tập ở tiểu học, biết vận dụng các kiến thức vào thực tiễn dạy học, giáo dục học sinh ở trường tiểu học. Hiểu biết những chính sách, chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục, văn hoá của đất nước.

- Có kiến thức về môi trường, dân số, an ninh – quốc phòng, an toàn giao thông, quyền trẻ em, y tế học đường để có thể thực hiện giáo dục tích hợp; Có hiểu biết về đời sống, phong tục tập quán của địa phương để có thể hoà nhập và góp phần phát triển cộng đồng.

- Được trang bị những thông tin cập nhật về đổi mới giáo dục tiểu học trong nước và khu vực, có khả năng vận dụng đổi mới phương pháp dạy học các môn học ở tiểu học.

1.2.3. Về kỹ năng

- Biết lập kế hoạch giáo dục, biết lập kế hoạch bài học theo định hướng đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá ở tiểu học.
- Biết tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với điều kiện cụ thể của học sinh và địa phương nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong học tập. Biết dạy cho học sinh phương pháp học tập, phát triển ở học sinh năng lực tự học, tự đánh giá. Biết sử dụng các phương tiện, công nghệ dạy học, đặc biệt là công nghệ thông tin vào quá trình dạy học ở tiểu học.
- Sinh viên tốt nghiệp có thể tiếp tục học lên các trình độ thạc sĩ, tiến sĩ về Giáo dục tiểu học, Quản lý giáo dục và có thể trở thành giáo viên cốt cán của cấp tiểu học.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 135 tín chỉ

Chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (150 tiết) và Giáo dục Quốc phòng và an ninh (165 tiết).

4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh có bằng tốt nghiệp THPT, Bổ túc THPT hoặc tương đương.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo quy chế ban hành tại Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Thang điểm

Theo quy chế ban hành tại Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Nội dung chương trình

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết
				LT	BT , TL	TH	Tự học	
7.1. Kiến thức giáo dục đại cương (GDĐC)			45					
7.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc			39					
1	LC1501	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	5	50	25		150	
2	LC1202	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10		60	1
3	LC1303	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	30	15		90	1; 2
4	NN1301	Tiếng Anh (1)	3	45			90	
5	NN1202	Tiếng Anh (2)	2	30			60	4
6	NN1203	Tiếng Anh (3)	2	30			60	5
7	TC1007	Giáo dục thể chất	150t					
8	QP1008	Giáo dục quốc phòng và an ninh	165t					
9	TI1201	Tin học cơ sở	2	15		15	60	

10	TG1203	Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành giáo dục	2	26	3	1	60	
11	TH1221	Toán học 1	2	25	5		60	
12	TH1222	Xác suất thống kê	2	25	5		60	
13	TH1201	Ngôn ngữ học đại cương	2	25	5		60	
14	TH1202	Cơ sở ngôn ngữ và thực hành Tiếng Việt	2	25	5		60	
15	LC1204	Lôgic học đại cương	2	20	10		60	
16	LC1207	Pháp luật đại cương	2	20	10		60	
17	SH1204	Giáo dục môi trường	2	20	10		60	
18	VN1251	Cơ sở văn hoá Việt Nam 1	2	20	8	2	60	
19	TH1223	Toán sơ cấp	2	20	10		60	
7.1.2. Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn			6					
<i>(Chọn 3 trong 5 học phần)</i>								
20	TH1203	Phong cách học Tiếng Việt	2*	25	5		60	
21	LS1203	Lịch sử văn minh thế giới 1	2*	28	2		60	
22	ĐL1221	Địa lý tự nhiên đại cương	2*	28		2	60	
23	LS1233	Lịch sử đại cương Việt Nam	2*	25	5		60	
24	TG1212	Giao tiếp sư phạm	2*	16	4	10	60	
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			90					
7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành			25					
25	TG2222	Tâm lý học đại cương 1	2	26	2	2	60	
26	TG2224	Giáo dục học đại cương 1	2	24	4	2	60	
27	TG2204	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	23	4	3	60	
28	TG2307	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm tiểu học	3	35	7	3	90	
29	TG2208	Lý luận giáo dục tiểu học và lý luận dạy học tiểu học	2	24	4	2	60	
30	TG2209	Đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học	2	25	3	2	60	
31	TH2257	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	2	10	5	15	60	
32	TI2246	Phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học	2	25	5		60	
33	TH2304	Tiếng Việt 1	3	35	10		90	
34	TH2205	Văn học 1	2	25	5		60	
35	SH2206	Sinh lý học trẻ em	2	15	15		60	
36	TH2206	Ngôn ngữ học văn bản	2	25	5		60	
7.2.2. Kiến thức ngành			50					
a) Kiến thức ngành bắt buộc			44					
37	TH2207	Tiếng Việt 2	2	25	5		60	
38	TH2308	Văn học 2	3	35	10		90	
39	TH2309	PPDH Tiếng Việt ở tiểu học 1	3	35	10		90	
40	TH2210	PPDH Tiếng Việt ở tiểu học 2	2	25	5		60	

41	TH2424	Toán học 2	4	50	10		120	
42	TH2225	PPDH Toán học ở tiểu học 1	2	25	5		60	
43	TH2326	PPDH Toán học ở tiểu học 2	3	35	10		90	
44	TH2241	Cơ sở tự nhiên và Xã hội 1	2	25	5		60	
45	TH2242	Cơ sở tự nhiên và Xã hội 2	2	25	5		60	
46	TH2243	PPDH Tự nhiên và xã hội ở tiểu học	2	25	5		60	
47	TH2244	Đạo đức và PPDH đạo đức ở tiểu học	2	25	5		60	
48	TH2245	Thủ công – Kỹ thuật	2	25	5		60	
49	TH2246	PPDH thủ công và kỹ thuật ở tiểu học	2	25	5		60	
50	TH2247	Âm nhạc	2	25	5		60	
51	TH2248	PPDH Âm nhạc ở tiểu học	2	25	5		60	
52	TH2249	Mỹ thuật	2	25	5		60	
53	TH2250	PPDH Mỹ thuật ở tiểu học	2	25	5		60	
54	TH2251	PPDH Thể dục ở tiểu học	2	25	5		60	
55	TH2252	Phương pháp công tác Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh	2	25	5		60	
b) Kiến thức ngành tự chọn (Chọn 3 trong 5 học phần)			6					
56	TH2211	Chuyên đề Tiếng Việt	2*	20	10		60	
57	TH2212	Chuyên đề PPDH Tiếng Việt	2*	20	10		60	
58	TH2227	Chuyên đề Toán	2*	20	10		60	
59	TH2228	Chuyên đề PPDH Toán	2*	20	10		60	
60	TH2253	Chuyên đề PPDH Tự nhiên và xã hội	2*	20	10		60	
7.2.3. Thực tập và khoá luận tốt nghiệp			15					
61	TH2354	Thực tập sư phạm 1	3					
62	TH2555	Thực tập sư phạm 2	5					
63	TH2756	Khoá luận tốt nghiệp	7					
Học phần chuyên môn thay thế khoá luận tốt nghiệp								
64	TH2329	Toán và PPDH toán ở tiểu học	3	30	15		90	
65	TH2413	Tiếng Việt văn học và PPDH	4	30	30		120	
Cộng:			135					

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PSG.TS Cao Văn